

Số: 01/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 07 tháng 3 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang
đến năm 2015, định hướng đến năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XVII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 100/2008/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1244/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 3 năm 2011 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Chương trình hành động của Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 02/TTr-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2013 về Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 16/BC-HĐND ngày 05 tháng 3 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang đến năm 2015, định hướng đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH TUYẾN QUANG ĐẾN NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

1. Quan điểm

- Phát triển kinh tế - xã hội phải dựa trên khoa học và công nghệ, phát triển khoa học và công nghệ phải định hướng vào các mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và phát huy năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ, tận dụng nguồn lực khoa học và công nghệ từ bên ngoài (vùng, toàn quốc, quốc tế) cần được coi là phương châm quan trọng nhất trong phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Bám sát thực tiễn, lựa chọn ưu tiên hợp lý và khả thi trong điều kiện cụ thể của tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

- Tạo lập cơ sở khoa học cho phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm: xây dựng luận cứ khoa học làm cơ sở cho việc xây dựng các chủ trương, chính sách; Nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng thành tựu khoa học và công nghệ; đề xuất các giải pháp phù hợp để thực thi các chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ đủ sức đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phấn đấu đến năm 2020, trình độ khoa học và công nghệ của tỉnh phát triển đạt mức khá trong khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc và đạt mức trung bình tiên tiến của cả nước.

2.2. Các mục tiêu cụ thể

2.2.1. Tăng tỷ lệ đóng góp của khoa học và công nghệ vào tổng giá trị sản phẩm kinh tế - xã hội.

Phấn đấu đến năm 2020, nâng tỷ lệ giá trị đóng góp của khoa học và công nghệ trong sản phẩm từ 20% đến 30% tăng trưởng kinh tế.

2.2.2. Mức đầu tư tài chính cho khoa học và công nghệ và xã hội hóa đầu tư cho khoa học và công nghệ.

- Các chỉ tiêu về đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ

Phấn đấu thực hiện vốn đầu tư toàn xã hội phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 đạt trên 1.000 tỷ đồng.

Hàng năm thu hút tối thiểu từ 15 tỷ - 30 tỷ đồng từ các chương trình trọng điểm quốc gia về phát triển khoa học và công nghệ cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh.

- Các chỉ tiêu đầu tư khác về khoa học và công nghệ: Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế, vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư; đa dạng các hình thức đầu tư nhằm huy động tối đa các nguồn vốn trong dân cư, các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài.

2.2.3. Chỉ tiêu phát triển nhân lực khoa học và công nghệ.

- Các chỉ tiêu về nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Đến năm 2015 số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 9 người/vạn dân; đến năm 2020 số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đạt 11 người/vạn dân.

- Các chỉ tiêu về đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ

Mở rộng quy mô đào tạo một cách hợp lý nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực khoa học và công nghệ không chỉ đủ về số lượng mà còn đảm bảo về chất lượng.

Đến năm 2015 đạt trên 50%, định hướng đến năm 2020 đạt trên 60% cán bộ công chức, viên chức có trình độ từ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Các chỉ tiêu về cơ cấu lao động và tạo việc làm mới trong tỉnh

Đến năm 2015: Nông lâm nghiệp, thủy sản 70%; công nghiệp, xây dựng 15,5%; dịch vụ 14,5%; tạo việc làm mới cho trên 80.000 người lao động.

Đến năm 2020: Nông lâm nghiệp, thủy sản 63%; công nghiệp, xây dựng 19,5%; dịch vụ 17,5%; tạo việc làm mới cho trên 100.000 người lao động.

2.2.4. Hạ tầng cơ sở khoa học và công nghệ.

- Củng cố, hoàn thiện tổ chức mạng lưới khoa học và công nghệ

Kiện toàn bộ máy tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở cấp huyện, thành phố.

Năm 2015, thành lập Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

- Đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ

Đầu tư cơ sở hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho các trung tâm, các phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm, hệ thống trạm trại của tỉnh đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

II. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỈNH ĐẾN NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

1. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các ngành kinh tế.

- Phục vụ phát triển nông nghiệp, góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Phục vụ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

- Phục vụ phát triển thương mại - dịch vụ.

- Phục vụ giải quyết vấn đề giao thông vận tải.

- Phục vụ giải quyết vấn đề trong ngành giáo dục - đào tạo.
- Phục vụ giải quyết vấn đề trong lĩnh vực y tế.
- Phục vụ giải quyết vấn đề trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.
- Phục vụ giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông.
- Phục vụ giải quyết vấn đề trong lĩnh vực lao động - xã hội.
- Phục vụ giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
- Phục vụ giải quyết vấn đề đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh vững mạnh.

2. Các nhiệm vụ quản lý khoa học và công nghệ (nâng cao năng lực quản lý khoa học và công nghệ).

- Quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Nhiệm vụ phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.
- + Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.
- + Phát triển các Trung tâm khoa học và công nghệ.
- + Phát triển thông tin khoa học và công nghệ.
- Nhiệm vụ quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ.
- Nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỈNH ĐẾN NĂM 2015, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020

1. Các giải pháp về cơ chế chính sách.

Khuyến khích ứng dụng chuyển giao công nghệ. Thu hút các nguồn vốn đầu tư; tăng cường thành lập và hỗ trợ các quỹ khai thác nguồn kinh phí từ hệ thống quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

2. Các giải pháp về nhân lực khoa học và công nghệ.

- Phát triển giáo dục phổ thông đảm bảo công bằng, để làm cơ sở cho việc xây dựng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ có chất lượng.
- Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.
- Bổ sung, hoàn thiện kế hoạch, quy hoạch nhân lực khoa học và công nghệ.
- Bổ sung, hoàn thiện chính sách, chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công chức khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang.
- Hợp tác trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực công nghệ.

3. Các giải pháp huy động vốn và nâng cao vai trò của các hoạt động khoa học và công nghệ trong thực tiễn sản xuất.

- Huy động từ tất cả các nguồn vốn thuộc tất cả các thành phần kinh tế ở trong và ngoài tỉnh: Vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (ODA, FDI) và vốn ngân sách; huy động vốn của doanh nghiệp, vốn từ dân.

- Xác định các công trình, địa bàn và quy mô để ưu tiên kêu gọi vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế.

4. Các giải pháp về tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị cho công tác quản lý và nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ.

4.1. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong ngành khoa học và công nghệ.

Đầu tư nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho đơn vị quản lý và các tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, chuyển đổi hoạt động theo Nghị định 115/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ, để các tổ chức khoa học và công nghệ trở thành nòng cốt trong chuyển giao, ứng dụng các thành tựu chuyển giao công nghệ đến cơ sở.

- Năm 2015, thành lập Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

- Giai đoạn 2013 - 2016: Xây dựng và phát triển Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

4.2. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ trong ngành nông nghiệp.

Tăng cường trang bị cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cho cán bộ khuyến nông. Ưu tiên đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho hệ thống khuyến nông từ ngân sách nhà nước và nguồn hỗ trợ của các dự án, đồng thời lồng ghép các nguồn vốn ngân sách của Trung ương và địa phương, vốn của các tổ chức nước ngoài trong quá trình chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật.

- Quy hoạch, đào tạo nguồn nhân lực nhằm nâng cao trình độ của cán bộ nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; tăng cường kinh phí cho việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đối với các Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.

4.3. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ trong ngành công nghiệp.

- Hình thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh về phát triển công nghiệp phục vụ quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa của tỉnh.

- Khuyến khích và hỗ trợ cho hoạt động đổi mới công nghệ, đặc biệt trong các ngành cơ khí chế tạo, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong ngành công nghiệp có thế mạnh của tỉnh.

- Khuyến khích và hỗ trợ việc xây dựng các đơn vị nghiên cứu và triển khai trong doanh nghiệp, liên kết giữa doanh nghiệp với các tổ chức nghiên cứu và triển khai trong và ngoài tỉnh.

4.4. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng ngành giáo dục - đào tạo, đáp ứng yêu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học làm công tác nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện giảng dạy và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên cho các trường chuyên nghiệp: Trường Cao đẳng Tuyên Quang; Trường Trung cấp chuyên nghiệp, Trường Cao đẳng nghề - kỹ thuật - công nghệ và các trung tâm dạy nghề... đủ điều kiện đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, gắn đào tạo với nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ vào lao động sản xuất đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong tỉnh. Nâng cấp một số trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề lên cao đẳng và đại học theo hướng đào tạo đa ngành và liên thông để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

4.5. Giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong việc khám và chữa bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Quy hoạch và phát triển mạng lưới y tế trên địa bàn tỉnh: Hệ thống khám chữa bệnh, mạng lưới y tế cơ sở, lĩnh vực dược, y dược học cổ truyền.

- Thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng hiệu quả trang thiết bị y tế trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư kinh phí bổ sung trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh và kinh phí cho việc xử lý nước thải bệnh viện.

5. Giải pháp đổi mới hệ thống tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ các cấp

5.1. Cấp tỉnh:

Hoàn thiện tổ chức, bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKH-CN-BVN ngày 18/6/2008 của Liên Bộ: Khoa học và Công nghệ - Nội vụ và theo Đề án chức năng nhiệm vụ đã được tỉnh phê duyệt.

Bổ trí đủ biên chế cho Sở Khoa học và Công nghệ để đảm bảo thực hiện có hiệu quả vai trò quản lý nhà nước thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

5.2. Cấp ngành:

- Tăng cường nhân lực khoa học và công nghệ cho các Sở, Ngành, Chi cục tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, các trạm trại ...

- Các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoàn thành đề án và đi vào hoạt động theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ.

- Tổ chức mạng lưới khoa học và công nghệ: Thiết lập hệ thống cộng tác viên, cán bộ kiêm nhiệm đầu mối tại các Sở, Ban, Ngành.

5.3. Cấp Huyện: Kiện toàn bộ máy quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện, đảm bảo có cán bộ chuyên trách về khoa học và công nghệ, kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ, tăng cường vai trò và hoạt động của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp huyện.

6. Hệ thống các chương trình, dự án ưu tiên phát triển khoa học và công nghệ.

6.1. Các nhiệm vụ chính cần tập trung triển khai đến năm 2015

- Hoàn thiện Đề án cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Khoa học và Công nghệ (theo Thông tư 05/2008/TTLT-BKH-CN-BNV ngày 18/6/2008).

- Đầu tư xây dựng và trang thiết bị cho Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thành lập Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh.

- Điều tra, đánh giá trình độ công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh và đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh.

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa.

- Xây dựng mô hình hành chính điện tử nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước và cải thiện chất lượng dịch vụ hành chính của các Sở, Ban, Ngành của tỉnh.

- Chương trình xây dựng phát triển thương hiệu các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh Tuyên Quang.

- Chương trình đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng hàng hóa các sản phẩm chủ lực và sản phẩm đặc sản của Tuyên Quang đến năm 2020.

- Dự án đầu tư nâng cao năng lực kiểm định phương tiện đo lường và kiểm tra chất lượng hàng hóa của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường - Chất lượng.

- Tập trung triển khai các nhiệm vụ ưu tiên về hoàn thiện môi trường và khung pháp lý, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, củng cố bộ máy tổ chức và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

6.2. Giai đoạn 2016 - 2020 định hướng ưu tiên các nhiệm vụ

- Tập trung đầu tư, nâng cấp Trung tâm ứng dụng tiến bộ Khoa học và Công nghệ, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các trung tâm phục vụ phát triển khoa học và công nghệ của các ngành trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ.

- Hình thành trung tâm ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

- Đầu tư dự án khu nông nghiệp công nghệ cao. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Tuyên Quang từ nay đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 07 tháng 3 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Sáng Vang